

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, cung cấp, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;

- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, cung cấp hàng hóa;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.

- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;

- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;

- Tiêu chí đầu thầu bền vững (nếu có);

- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên gia công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;

- Tiên độ cung cấp hàng hóa;

- Yếu tố thân thiện môi trường;

- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

- Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|--|
| 1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, chất lượng của hàng hóa cung cấp | | |
| 1.1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, chất lượng của hàng hóa cung cấp | + Có đặc tính, thông số kỹ thuật hàng hóa, số lượng, chất lượng, Xuất xứ, năm sản xuất; ký mã hiệu, hãng sản xuất, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ (nếu có)... Tương đương hoặc cao hơn theo yêu cầu kỹ thuật nêu tại chương V của E-HSMT. + Có bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, so sánh giữa yêu cầu của E-HSMT và chào thầu của Nhà thầu. Đối với thông số kỹ thuật của từng hạng mục, nhà thầu ghi rõ mức độ đáp ứng (đáp ứng, vượt, ...) | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên | Không đạt |
| 1.2. Chất lượng của hàng hóa | - Hàng hóa là nhà thầu đề xuất cung cấp cho gói thầu này mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây. - Nhà thầu phải có văn bản cam kết hàng hóa chào thầu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (ghi rõ nhãn mác, hãng sản xuất, không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, sở hữu nhãn mác của Việt Nam và quốc tế) - Nhà thầu có Cam kết khi bàn giao hàng hóa, nhà thầu phải cung cấp: Đối với hàng hóa nhập khẩu: Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa (CO) và bản gốc giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ); Đối với hàng hóa trong nước: Bản gốc giấy chứng nhận chất lượng, phiếu xuất xưởng của nhà sản xuất đối với hàng hóa trong nước. Việc nghiệm thu bàn giao phải đảm bảo nhà thầu cung cấp đầy đủ các giấy tờ nêu trên cho chủ đầu tư. - Có catalogue thiết bị (catalogue phải là Tiếng Việt, nếu không phải là Tiếng Việt thì phải được | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|--|
| | <p>dịch thuật sang Tiếng Việt theo quy định).</p> <p>Catalogue thiết bị (<i>là catalogue trên website của nhà sản xuất hoặc catalogue chính hãng có xác nhận của nhà sản xuất, nếu lấy trên website chính thức của nhà sản xuất yêu cầu bổ sung đường link để kiểm tra trong quá trình đánh giá. (Đường link được copy và dán trong file mềm).</i></p> | |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên | Không đạt |
| 1.3. Nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa | <p>Đối với hàng hoá nhập khẩu: Cung cấp thông tin Đơn vị Phân phối/ hoặc đại diện nhà sản xuất tại thị trường Việt Nam/ Hoặc các cơ quan có thẩm quyền xác nhận tài liệu liên quan đến hàng hoá – Có đầy đủ thông tin liên hệ, xác minh, tên đơn vị hợp pháp đã được đăng ký, tài liệu chứng minh kèm theo chức năng của đơn vị liên quan đến hàng hoá;</p> <p>Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp đầy đủ thông tin liên hệ, chi tiết địa chỉ, tên đơn vị hợp pháp đã được đăng ký của đơn vị sản xuất hàng hoá.</p> | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, bàn giao hàng hóa | | |
| Tính hợp lý của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, bàn giao hàng hóa. | <p>Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế, cụ thể:</p> <p>a) Biện pháp nhập hàng hoặc sản xuất thiết bị: Có thuyết minh chi tiết, hợp lý và nêu thời gian thực hiện cụ thể.</p> <p>b) Biện pháp vận chuyển, đảm bảo chất lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh phương án vận chuyển, phương tiện vận chuyển đến đơn vị sử dụng. - Biện pháp bảo quản để đảm bảo về chất lượng của thiết bị trong quá trình vận chuyển, cung cấp . | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|-------------------------------------|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Phương án tập kết thiết bị và lưu kho tại đơn vị sử dụng, chuẩn bị cho công tác thi công cung cấp . - Cách thức và quy trình giao hàng, phương pháp kiểm tra chất lượng hàng hóa trước khi giao hàng cho chủ đầu tư. c) Biện pháp thi công cung cấp các vật tư, thiết bị và vận hành hệ thống, kiểm tra thử nghiệm trước khi bàn giao nghiệm thu. d) Biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công cung cấp . e) Biện pháp đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công cung cấp . f) Biện pháp đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình thi công cung cấp ; an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển. g) Biện pháp quản lý vệ sinh môi trường: Kiểm soát phế thải các loại trong quá trình cung cấp cung cấp . h) Biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình cung cấp cung cấp . <p>Có thuyết minh cụ thể, chi tiết giải pháp phối hợp giữa các bên trong quá trình triển khai thực hiện đảm bảo hợp lý khả thi.</p> | |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên | Không đạt |
| 3. Tiến độ cung cấp hàng hóa | | |
| Tổ chức cung cấp, bàn giao hàng hóa | <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian hoàn thành cung cấp ≤ 10 ngày. (Đảm bảo đáp ứng tiến độ giao hàng sớm nhất và muộn nhất theo yêu cầu của E-HSMT) + Có biểu đồ tiến độ chi tiết với từng mốc thời gian cụ thể quá trình triển khai thực hiện dịch vụ đến địa điểm cung cấp chi tiết đảm bảo hợp lý, khả thi, logic với nhau, phù hợp thuyết minh biện pháp thực hiện, phù hợp công việc và thực tế gói thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|--|
| | (Biểu tiến độ phải thể hiện được mốc thời gian tiến hành từng nội dung công việc, mô tả được tiến độ cung cấp, lắp dựng hàng hóa, phương án bố trí máy móc thiết bị, nhân lực, tổng hợp được số liệu về nhân lực, máy móc thiết bị đảm bảo phù hợp với tiến độ kèm theo, phù hợp với đề xuất kỹ thuật) | |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên | Không đạt |
| 4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì, năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; cung cấp vật tư thay thế, Kế hoạch đào tạo chuyên giao công nghệ | | |
| Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì, năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; cung cấp vật tư thay thế | <p>- Nhà thầu có cam kết:</p> <p>+ Thời gian bảo hành hàng hóa, thiết bị theo quy định của nhà sản xuất. Cam kết trong thời gian bảo hành nếu hàng hóa hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất nhưng không khắc phục sự cố được thì Nhà thầu phải thay mới 100% trong thời gian ≤ 01 ngày, kể từ ngày chủ đầu tư thông báo. Có thuyết minh quy trình xử lý khắc phục sự cố hư hỏng, đề xuất phương án thay mới hàng hóa khi sản phẩm bị lỗi khi không khắc phục được sự cố có nêu thời gian chi tiết đáp ứng thời gian ≤ 01 ngày.</p> <p>+ Nhà thầu có văn bản cam kết đối với những hư hỏng, sai sót cần có sự có mặt của nhà thầu, nhà thầu cam kết phải có mặt trong vòng 24 giờ để tiếp nhận các hư hỏng, sai sót kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư, cam kết Trong thời hạn bảo hành, sau thời gian không quá 24 giờ kể từ khi đại diện Chủ đầu tư liên hệ với đại diện bên nhà thầu để sửa chữa mà nhà thầu không có người đến kiểm tra và sửa chữa thì nhà thầu phải chịu mọi khoản chi phí mà bên Chủ đầu tư đã thanh toán cho đơn vị sửa chữa khác.</p> | Đạt |

| | Nội dung đánh giá | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|--|
| | - Nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành; bảo trì, năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; cung cấp vật tư, hàng hoá thay thế trong thời gian bảo hành, bảo trì cụ thể, hợp lý khả thi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại E-HSMT. | |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên của E-HSMT | Không đạt |
| 5. Đào tạo, hướng dẫn sử dụng và chuyển giao công nghệ | + Nhà thầu cam kết và có kế hoạch cụ thể về việc cử cán bộ cung cấp, hướng dẫn sử dụng theo sự phân công của chủ đầu tư; Có thuyết minh cụ thể rõ ràng, hợp lý khả thi kế hoạch nội dung chương trình đào tạo, hướng dẫn sử dụng vận hành, chuyển giao công nghệ phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp và giải pháp thực hiện của nhà thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên của E-HSMT | Không đạt |
| 6. Tác động đối với địa lý, môi trường và biện pháp giải quyết | Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường. Nhà thầu phải thuyết minh được khả năng thích ứng về địa lý, môi trường với những hàng hóa, thiết bị chịu tác động về địa lý, môi trường. | Đạt |
| | Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và không đề xuất được biện pháp giải quyết. | Không đạt |
| 7. Uy tín của nhà thầu và Các yếu tố cần thiết khác | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không có hợp đồng tương tự bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Nhà thầu không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu bởi bất kỳ cơ quan hay tổ chức nào; - Nhà thầu không bị chủ đầu tư hoặc cơ quan tổ chức nào kết luận là nhà thầu có hành vi không trung thực trong hồ sơ dự thầu; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời gian có | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--------------------------|---|--|
| | hiệu lực của hồ sơ dự thầu khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng. - Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng. <i>(có cam kết kèm theo)</i> | |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | E-HSĐT đáp ứng tất cả các yêu cầu 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 trong bảng này. | Đạt |
| | E-HSĐT không đáp ứng ≥ 01 yêu cầu trong bảng này. | Không đạt |

E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là **đạt**.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.